



bǐ sà bǐng

比萨饼

noun · pizza

Example Sentences

Wǒ men jīn wǎn chī bǐ sà bǐng ba

我们今晚吃比萨饼吧。

Let's eat pizza tonight.

Zhè jiā diàn de bǐ sà bǐng wèi dào hěn hǎo

这家店的比萨饼味道很好。

The pizza at this shop tastes great.

Trace each character, then write the word on your own.

比	比	比	比	比	比	比				
萨	萨	萨	萨	萨	萨	萨	萨	萨	萨	萨
萨	萨	萨								
饼	饼	饼	饼	饼	饼	饼	饼	饼	饼	饼
饼										